



## Bài báo nghiên cứu CHẤN THƯƠNG VÀ KHỦNG HOẢNG CĂN TÍNH TRONG TIỂU THUYẾT *KAFKA BÊN BỜ BIỂN* CỦA HARUKI MURAKAMI

Ngô Thị Thu Thủy

*Khoa Văn học và Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,*

*Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Thu Thủy – Email: [23922012004@hcmussh.edu.vn](mailto:23922012004@hcmussh.edu.vn)

Ngày nhận bài: 31-12-2024; Ngày nhận bài sửa: 09-6-2025; Ngày duyệt đăng: 07-7-2025

### TÓM TẮT

*Trên cơ sở kết hợp giữa lý thuyết chấn thương (Freud, Caruth), phân tâm học (Jung, Lacan) và lý thuyết căn tính hiện đại (Foucault, Culler, Butler), bài viết này khảo sát mối quan hệ giữa chấn thương và khủng hoảng căn tính trong tiểu thuyết Kafka bên bờ biển của Haruki Murakami, thông qua hai hình tượng nhân vật trung tâm là Kafka và Nakata. Bài viết đặc biệt tập trung vào cơ chế phân li như một phản ứng tâm lý điển hình trong chấn thương và ảnh hưởng của nó đến quá trình kiến tạo bản ngã nhân vật. Bằng cách đọc song hành hai hành trình trái ngược - một đi vào chiều sâu tiềm thức để đối mặt và chữa lành, một bị mắc kẹt trong trạng thái vô thức kéo dài, bài viết khẳng định thông điệp nền tảng trong thế giới nghệ thuật của Murakami: kí ức, dù đầy đau đớn và bất toàn, vẫn là chất liệu thiết yếu cho sự hình thành và tái tạo căn tính hậu chấn thương.*

**Từ khóa:** phân li; khủng hoảng căn tính; phân tâm học; chấn thương

### 1. Đặt vấn đề

Khởi nguồn từ phân tâm học Freud, lý thuyết hậu cấu trúc và nghiên cứu văn học, lý thuyết chấn thương hình thành như một hướng tiếp cận nhằm lý giải phản ứng của con người trước những sự kiện vượt ngoài khả năng xử lý của tâm trí. Freud đặc biệt chú ý đến cơ chế phân li như một phản ứng phòng vệ của tâm thức, còn nhà lý thuyết chấn thương Cathy Caruth nhấn mạnh vào tính chất trì hoãn và ám ảnh lặp lại của kí ức chấn thương. Những kí ức này không chỉ gây sang chấn tâm lý mà còn góp phần định hình hoặc làm rạn vỡ căn tính. Trong mối liên hệ đó, lý thuyết căn tính đóng vai quan trọng để hiểu về chấn thương: Foucault cho rằng căn tính không phải là bản chất cố định, mà là quá trình tạo nên các kiểu chủ thể trong các điều kiện văn hóa, lịch sử, diễn ngôn; còn Culler khẳng định “tôi trở thành tôi qua các vị trí chủ thể khác nhau” (Culler, 2011, p.166). Do đó, sự kết hợp giữa hai hệ lý thuyết cho phép tiếp cận tác phẩm qua quá trình diễn giải các cơ chế hoạt tác của chấn

---

**Cite this article as:** Ngô. T. T. T. (2025). Trauma and identity crisis in Haruki Murakami's *Kafka on the shore*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(11), 2097-2107. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.11.4666\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.11.4666(2025))

thương, đồng thời khám phá quá trình tái cấu trúc căn tính con người trong thế giới hậu sang chấn.

Trong dòng văn học chấn thương, Murakami là gương mặt nổi bật. Thế hệ của ông sinh ra với sự thịnh vượng và “hố đen văn hóa” sau chiến tranh và do đó hầu như đã mất kết nối với truyền thống văn hóa trước chiến tranh của Nhật Bản. Với một sự nghiệp sáng tác đồ sộ xoay quanh các chủ đề về nỗi cô đơn, sự trống rỗng và kháng cự của cá nhân giữa lòng xã hội tư bản, Murakami khắc họa hành trình tìm kiếm danh tính của một thế hệ người Nhật đã “mất đi cảm giác nhận dạng với xã hội” (Kimball, 1973, p.13). Theo Matthew Stretcher, mất mát này “đe dọa nghiêm trọng việc phát triển ý thức cá nhân hoặc danh tính ở Nhật Bản đương đại” (Stretcher, 1999, p.264). Giống như Freud và Jung, khi đối diện với câu hỏi “Thế giới này là gì và ta là ai?”, Murakami cũng tìm kiếm câu trả lời ở những tầng sâu tâm hồn con người. Tác phẩm *Kafka bên bờ biển* là cuộc thăm dò tiềm thức, giấc mơ và biểu tượng để hiểu về chấn thương thời ấu thơ từ đó tái định hình danh tính. Từ góc độ phân tâm học, Hmar (2015) xem sự thiếu vắng tình mẫu tử và sự ghẻ lạnh của người cha là nguyên nhân gây nên “thiếu hụt bản thể”, khiến Kafka phải đi tìm “nửa kia bị đánh mất” để lấp đầy khoảng trống tâm hồn; còn Jonathan Dil (2010) dựa trên cách tiếp cận phân tâm học Jung và Lacan để chỉ ra rằng hành trình của Kafka vừa là sự tiếp xúc và chữa lành với vô thức (Jung), vừa là sự chấp nhận khoảng trống như một phần cấu thành của cái tôi (Lacan).

Bài viết kết nối chủ đề chấn thương và khủng hoảng căn tính trong *Kafka bên bờ biển* của Murakami dưới ánh sáng của tâm phân học của Freud- Jung, lý thuyết chấn thương và nghiên cứu căn tính để trả lời câu hỏi: *chấn thương tuổi thơ đã ảnh hưởng thế nào đến căn tính con người và liệu việc tái lập căn tính có thể giúp con người phục hồi?* Với hướng tiếp cận liên ngành, nghiên cứu góp phần mở rộng cách đọc Murakami như một liệu pháp tâm lý trong văn học, đồng thời lý giải mối quan hệ giữa ký ức chấn thương, căn tính và khả năng hồi phục của chủ thể.

## **2. Chấn thương và khủng hoảng căn tính trong tiểu thuyết *Kafka bên bờ biển* của Haruki Murakami**

### **2.1. Chấn thương trong tiểu thuyết *Kafka bên bờ biển* của Haruki Murakami**

Coi thế giới là “chốn hung bạo khủng khiếp” (Murakami, 2007, p.96), *Kafka bên bờ biển* là một cuộc thăm dò tiềm thức nhằm khám phá những tác động lâu dài của bạo lực đối với chấn thương và quá trình định dạng căn tính. Bạo lực trong câu chuyện ẩn tàng dưới những hình thức tinh vi: một lời nguyện Hy Lạp cổ đại như một thứ bạo lực di truyền gá vào cơ chế của DNA, một phức cảm dữ dội chảy thành dòng xung năng giận dữ đối với cha và khao khát đối với mẹ, những kì vọng tàn nhẫn của gia đình *elite* biến con cái “vật tế cho danh dự gia đình và cho vị thần Nhật Bản” (Dil, 2010, p.106). Bạo lực thời ấu thơ tạo nên dạng chấn thương tinh thần nặng nề và khó chữa lành nhất. Nó để lại dấu ấn trong cấu trúc căn tính, làm méo mó sự tự nhận thức của con người. Nhân vật của Murakami vì thế phải

dẫn thân vào hành trình tìm kiếm và định dạng căn tính, đi qua những tổn thương để hiểu thấu bản chất của nỗi đau và những gì nó đã âm thầm kiến tạo trong con người mình.

Nhân vật trung tâm của câu chuyện là Kafka, một thiếu niên bị mẹ bỏ rơi, sống cùng cha, “với những triệu chứng bạo hành” (Murakami, 2007, p. 337). Cậu bỏ nhà đi đúng vào ngày sinh nhật lần thứ 15, để tránh khỏi lời nguyền do cha mình gieo rắc từ thuở ấu thời: “một ngày kia, mày sẽ giết cha mày và ngủ với mẹ mày” (Murakami, 2007, p.230). Lời nguyền này với Kafka mà nói, không đơn thuần là lời đe dọa từ bên ngoài, mà là biểu tượng cho *một cái gì bên trong* (Murakami, 2007, p.7), là phần bóng tối không thể tách rời của bản ngã vẫn “âm thầm sống trong tiềm thức như một ý tưởng phụ thuộc” (Jung, 2007, p.5). Thứ bạo lực như thể mang theo dấu ấn của một định mệnh siêu hình ấy đã gieo mầm cho chấn thương và mở ra tiến trình tan rã căn tính trong tâm hồn một đứa trẻ đang dần trưởng thành.

Từ quan điểm về sự phân li, các nhà nghiên cứu chấn thương khẳng định rằng chấn thương gây ra sự chia tách trong tâm hồn con người và để lại tác động lâu dài. Freud đã đề xem phân li là phản ứng của ý thức cú sốc bạo lực hoặc là hậu quả lâu dài do tiếp xúc với bạo lực, khiến cấu trúc tinh thần sụp đổ. Caruth mở rộng quan điểm này, nhấn mạnh rằng chấn thương không thể được trải nghiệm trọn vẹn khi xảy ra, do ý thức bị tê liệt trước sức mạnh của cú sốc. Sức mạnh của chấn thương, theo bà, “không chỉ ở việc nó được tái diễn sau khi bị quên lãng, mà ở chỗ nó được trải nghiệm lần đầu tiên trong chính sự lãng quên ấy” (Caruth, 1991, p.187). Trải nghiệm chấn thương như một sự vắng mặt ám ảnh, luôn đe dọa quay về như “bóng ma” trong các triệu chứng phân li như mất trí nhớ, cảm giác bị theo dõi, hay những ảo giác không giải thích được. Phân li vừa là cơ chế phòng vệ, vừa là nguyên nhân của khủng hoảng bản ngã khi cái tôi bị tách rời khỏi trải nghiệm sống nhưng vẫn bị ám ảnh bởi các mảnh vỡ kí ức xâm nhập trở lại không thể kiểm soát.

Có một sự tương đồng đáng chú ý giữa quan niệm về cơ chế phân li trong lý thuyết chấn thương của Freud và Caruth với thế giới nghệ thuật của Murakami, đặc biệt là trong cách thức nhân vật của ông phản ứng trước những tổn thương tâm lí vượt quá ngưỡng chịu đựng của ý thức. Theo Strecher, các nhân vật của Murakami “bị ám ảnh bởi giấc mơ, kí ức và thường bị kiểm soát bởi tiềm thức ngay cả khi đang ở thực tại” (Strecher, 1999, p.281). Tiềm thức trở thành chốn trú ngụ của những linh hồn tổn thương. Đối phó với bạo lực, Nakata để lại thân xác trống rỗng để trốn vào thế giới phía bên kia phiến đá cửa vào; miss Saeki cất giữ trong tiềm thức cô gái 15 tuổi lúc chưa bị cú sốc tình yêu tan vỡ làm cho tê liệt; Kafka bị tội lỗi giết cha và loạn luân với mẹ bám đuổi vào trong những giấc mơ. Theo Freud, tiềm thức tiếp tục phát ngôn khi ý thức rút lui, và giấc mơ chính là nơi diễn ra cuộc đối đầu giữa bản năng (id) và cái tôi (ego). Còn Jung cho rằng, “*điều gì ý thức ta không lí hội được, tiềm thức ta nhận thấy, nó có thể thông báo cho ta biết bằng giấc mơ*” (Jung, 2007, p.27). Giấc mơ trở thành không gian cho tiềm thức biểu hiện cái bị đè nén mà sớm hay muộn

cũng buộc chủ thể phải đối mặt. Bằng cách làm sống lại những gì mà trí óc đã loại bỏ, tiềm thức buộc Kafka phải đối diện với nguồn cơn của những đau đớn và sợ hãi. Những giấc mơ về Miss Saeki và Sakura là sự trở lại của khao khát và tội lỗi dưới dạng những biến cải. Càng sợ hãi trốn chạy họ, cậu càng kiếm tìm và khẳng định họ như một cách để đối thoại với phần bóng tối của bản ngã mà ý thức của cậu khước từ:

“Mày đã giết cái người là cha mày, cưỡng hiếp mẹ mày và bây giờ đến chị gái mày. Mày tưởng làm thế sẽ dứt điểm được với lời nguyện mà cha mày yểm vào mày, cho nên mày làm tất cả những gì được dự báo về mày. Nhưng chẳng có gì thực sự chấm dứt. Mày chẳng hóa giải được gì hết”(Murakami, 2007, p.440).

Cơ chế trì hoãn khiến sự kiện chấn thương quay trở lại với Kafka với sự xâm nhập không kiểm soát được của tiềm thức. Đó là một thứ kinh nghiệm vẫn đang diễn biến, là sự “tiếp tục chịu đựng nỗi đau của một biến cố” (Caruth, 1995, p.10). Ở Kafka, lời nguyện như một cú đẩy của định mệnh đến gần miệng vực tội lỗi là một hiện thực tâm lý vẫn còn nằm ngoài tầm kiểm soát, là một thảm kịch đang bị trì hoãn mà Kafka chưa thể chiếm lĩnh được. Chừng nào cậu chưa bước vào cơn bão cát của số phận, chừng đó lời nguyện vẫn còn là một dạng thức *trauma*, khiến nỗi đau và sự ám ảnh trở đi trở lại liên tục:

“Giá như tôi có thể xóa bỏ cái thằng tôi đây, ngay tại chỗ và ngay bây giờ! Dòng máu đen màu bạo lực của tôi sẽ rỉ ra đến giọt cuối cùng, gien của tôi sẽ rửa nát giữa đám cỏ dại. Lúc đó cuộc chiến của tôi sẽ kết thúc. Bằng không, tôi sẽ mãi mãi tiếp tục giết cha tôi, cưỡng hiếp mẹ tôi, cưỡng hiếp chị gái tôi, mãi mãi, quất roi vào thế giới.” (Murakami, 2007, p.442).

Cú sốc vượt ngưỡng chịu đựng của tâm trí phân li bản ngã nạn nhân để có thể tiếp tục sống sót. Cơ chế phòng vệ này thường kéo dài cùng những ám ảnh đứt đoạn và mơ hồ, gây bất an cho chủ thể chấn thương. Kafka luôn có cảm giác bị theo dõi và thường nghe thấy những âm thanh kì lạ “lúc thì nghe xa xa, khi lại ngay kề bên” (Murakami, 2007, p.437). Đó là những tín hiệu mơ hồ mà tiềm thức gửi đến khi kí ức đau đớn không thể gọi tên tìm cách xâm nhập trở lại vào ý thức, len lỏi như những bóng ma qua những khoảng trống trong trí nhớ. Chính sự vắng mặt đầy ám ảnh của kí ức chấn thương khiến nó trở lại và khẳng định sự diện diện của mình như một vết nứt trong trải nghiệm thời gian, làm gián đoạn kết nối ý thức và tiềm thức ở Kafka. Đối diện với lời nguyện Oedipus, Kafka trải qua trạng thái tách biệt tâm- thân: “tựa như em ở đây, mà cách nào đó, lại không phải là em” (Murakami, 2007, p.100). Sau một cơn mê, cậu tỉnh dậy với quần áo dính máu, bản ngã cậu “vương vãi như những miếng rời của trò chơi ghép hình” (Murakami, 2007, p.80), với một cảm giác mơ hồ “cứ như thể có một ai khác bên trong em vậy” (Murakami, 2007, p.302). Đó là kết quả của sự phân li, khi kí ức bị xóa bỏ khỏi tầng ý thức để né tránh sức mạnh của nỗi kinh hoàng.

Biểu hiện rõ rệt nhất của chấn thương là mất trí nhớ. Freud cho rằng trước những cú sốc quá mạnh, bộ não sẽ kích hoạt lá chắn phòng vệ (protective shield - *Beyond the Pleasure Principal*, 1920), đẩy kí ức sang chấn vào vô thức để bảo vệ chủ thể khỏi sự sụp đổ nhận thức. Ở nhân vật Nakata, sự kiện trên đồi Bát Cơm đã gây sang chấn nghiêm trọng, khiến cậu rơi vào trạng thái phân li: “Nó đã trở về thế giới này với đầu óc sạch trơn. Như một tờ giấy trắng” (Murakami, 2007, p.79). Tựa hồ như cậu bé Nakata thông minh, cam chịu và đầy tổn thương đã bỏ trốn khỏi cơ thể, rời bỏ khỏi thực tại trong một cơ chế phòng vệ trước sự áp đảo của chấn thương:

“Cứ như thằng cu Nakata thật đã đi chơi đâu, tạm thời để lại cái vỏ xác và cái vỏ xác này, trong khi nó đi vắng, vẫn duy trì mọi chức năng cơ thể ở mức tối thiểu cần thiết để tự bảo toàn” (Murakami, 2007, p.78)

Dưới tác động quy hồi của chấn thương, Nakata một lần nữa trải nghiệm sự vụn vỡ tâm thức khi đối diện với sức mạnh thao túng của Johnnie Walker. Kẻ giết mèo hiểu rất rõ chấn thương của Nakata, liên tục dồn đẩy lão vào tình thế bạo lực khủng khiếp nhằm kích hoạt cơ chế phòng vệ sâu bên trong lão. Khác với xung năng giận dữ của Kafka, thứ bạo lực này đến từ bên ngoài, như thể một thực thể đã chiếm lấy Nakata, độc lập với ý thức của lão, ép buộc lão phải vung dao: “Lão cảm thấy không còn là mình nữa” (Murakami, 2007, p.168). Chấn thương của Nakata do đó, là biểu tượng của bạo lực khó lường trong một thế giới biến đổi không ngừng khiến cho nạn nhân của nó không thể trụ vững với linh hồn của mình.

Các nhà lí thuyết chấn thương một mặt lí giải nguồn cơn chấn thương từ những sự kiện gây sang chấn, mặt khác chú ý đến phản ứng của người sống sót và khả năng hồi phục của họ. Đọc Kafka bên bờ biển như một ngôn ngữ trị liệu chấn thương, có thể thấy hành trình của Kafka và Nakata là hành trình băng qua vĩa rừng tiềm thức tăm tối để hiểu về vô thức của mình, từ đó tìm ra bản ngã vẹn và phục hồi năng lực sống hạnh phúc. Kafka, thay vì trốn chạy thì phải truy tìm; thay vì kháng cự thì phải dũng cảm đón nhận số phận. Tương tự như thế, Nakata, với khao khát được là *một Nakata bình thường, một Nakata với những ý tưởng của riêng mình, với một cuộc đời có ý nghĩa của riêng mình*, đã phải lặn lội đi tìm phiến đá cửa vào, để *phục hồi nửa kia của chiếc bóng* (Murakami, 2007, p.349-350). Họ không thể để chấn thương chia tách mãi mãi bản ngã với chính mình, không thể mãi mãi chạy trốn. Trị liệu chấn thương trong thế giới của Murakami do đó là hành trình tìm kiếm và kiến tạo căn tính đã bị bạo lực làm rạn vỡ và vùi lấp.

## **2.2. Khủng hoảng căn tính và hành trình tái lập căn tính**

Cuộc tìm kiếm căn tính của con người là một nỗ lực bất tận để định nghĩa bản thân. Dưới ảnh hưởng của các lí thuyết tâm lí học, đặc biệt là Freud và Jung, cuộc tìm kiếm này sẽ chuyển hướng vào nội tâm để tìm câu trả lời cho câu hỏi về bản ngã. Đặc biệt, mối quan tâm với căn tính gần như là một ám ảnh đối với Nhật Bản khi thất bại trong chiến tranh thế giới II đã thay đổi xã hội truyền thống một cách triệt để. Sự rạn nứt giữa cái tôi cá nhân và

cộng đồng càng khiến nhu cầu nhận diện cá nhân ở Nhật Bản càng trở nên bức thiết. Đây chính là nguồn cơn của cuộc khủng hoảng bản sắc thường thấy trong tác phẩm của Yasunari Kawabata, Osamu Dazai, Yukio Mishima, Haruki Murakami... Vì thế, thuật ngữ bản sắc, theo Arthur G. Kimball, đã trở thành “một từ khóa của thời đại” (Kimball, 1973, p.19).

Văn học, như Jonathan Culler nhận định, “luôn có liên hệ với những câu hỏi về bản sắc” (Culler, 2011, p.168). Tác phẩm của Murakami là phản hồi đối với khủng hoảng bản sắc sâu xa trong lòng xã hội Nhật Bản, với “ý tưởng về sự đối lập cá nhân với cấu trúc xã hội” (Strecher, 1999, p.280). Nhân vật của ông thường phải đi qua một hành trình bản ngã để tìm kiếm cảm nhận về sự nhất quán cho sự tồn tại của bản thân, “loại trừ những phân chia đối lập và đạt đến sự cân bằng toàn vẹn bản ngã” (Dil, 2022, p.207). Khủng hoảng căn tính của họ có liên quan mật thiết đến những vấn đề chưa giải quyết được của chấn thương thời thơ ấu. Hành trình bản ngã do đó phải đi qua tiềm thức- nơi chôn giấu những bí ẩn của chấn thương, để tìm lại bản dạng đã mất.

Theo Culler, căn tính không phải là bản chất cố định mà là kết quả của quá trình tự định nghĩa và được định nghĩa trong mối quan hệ với người khác mà cái tôi là “sự kết hợp cái cá thể và cái được tạo ra” (Culler, 2011, p.166). Bị mẹ bỏ rơi và chịu bạo hành tinh thần từ cha, Kafka lớn lên trong thiếu hụt nền tảng để hình thành bản ngã lành mạnh. Cậu vừa bị định danh bởi lời nguyện của cha và sự vắng mặt của mẹ, vừa nỗ lực tự kiến tạo căn tính từ cái tôi tổn thương, chất chứa hận thù và sự tự phủ nhận chính mình: “Không cách nào xóa được cái gien họ truyền cho tôi. Nếu tôi muốn khử cái đó đi thì chắc tôi phải thủ tiêu chính mình” (Murakami, 2007, p.15). Lời nguyện Oedipus từ người cha như một bản án tiên định đã để lại những vết nứt không thể hàn gắn trong quá trình hình thành bản ngã của cậu, cản trở những khả năng Kafka trở thành chính mình. Trong nỗ lực thoát khỏi căn tính bị áp đặt để tái tạo bản thân, cậu lựa chọn rời khỏi nhà và tự đặt cho mình một cái tên mới- Kafka- như một hành vi tái định danh, nhằm cắt đứt với căn tính cũ gắn với bạo lực và chấn thương. Cậu tự miêu tả bản thân là *cậu bé mười lăm tuổi dừng cảm nhất thế giới*, với mong muốn dựng nên một bản ngã lí tưởng, kiên cường, để che lấp nỗi bất an và sợ hãi sâu kín trong lòng.

Trong thế giới siêu thực của Murakami, chấn thương không chỉ là vết nứt khởi phát, mà còn mở ra hành trình đi sâu vào tầng sâu vô thức để đối diện với những xung năng bị kìm nén và những mảnh vỡ bản ngã, từ đó tái định nghĩa bản thân. Hành trình này buộc nhân vật phải không ngừng đấu tranh để đồng nhất hoặc đối kháng với những biểu tượng ngoại giới, chẳng hạn như cha (Johnnie Walker), mẹ (Miss Saeki); và nhất là *cái thằng tên Quạ* sáng suốt, kiên định, thông thái, trái ngược hẳn với một Kafka đầy lo âu, lạc lõng, bối rối. Quạ xuất hiện bên cạnh Kafka trong những cuộc đối thoại với chính mình, khi phải đưa ra quyết định khó khăn và trong những tình huống trở trêu khi phức cảm Oedipus nổi lên khuấy nhiễu tinh thần cậu. Sự vỡ đôi căn tính này là hậu quả của sự tránh né chấn thương, đồng thời cũng cho thấy căn tính của Kafka luôn trong trạng thái giằng xé giữa lí trí và bản năng.

Như Jonathan Dil đánh giá từ góc nhìn phân tâm học, rằng Kafka chỉ là một cậu bé bình thường như bao người, “đang đấu tranh với những thách thức phổ quát của bản chất con người, là Dionysian của dục tính và bạo lực” (Dil, 2022, p.146); do đó cái bản ngã tên Qua phải phát triển những khía cạnh Apollonian để tái lập cân bằng.

Nếu sự rạn vỡ do chấn thương “ngăn chặn khả năng của chủ thể tự quyết về hành động có tính trách nhiệm”, thì việc nhận thức lại bản sắc như là một quá trình kiến tạo lại “mở ra các khả năng của chủ thể tự quyết” (Culler, 2011, p.179). Trong quá trình đấu tranh giành lấy quyền tự quyết định căn tính của mình, việc Kafka lựa chọn kháng cự định mệnh cho thấy rằng căn tính của cậu không phải là một bản chất có sẵn, mà là một quá trình kiến tạo được điều chỉnh liên tục bởi cả kí ức lẫn ước vọng. Quá trình chinh phục phức cảm Oedipus cũng đồng thời tạo ra cái *superego* để vượt lên những sức mạnh kiểm soát, từ đó xác lập căn tính của mình. Trong giấc mơ tràn ngập dục tính, Kafka để cho đau đớn và lạc thú dẫn mình đến với Miss Saeki, cưỡng hiếp Sakura, bởi vì “em đã quyết định thế” (Murakami, 2007, p.421). Kafka đã lựa chọn đối diện với định mệnh trước một *trách nhiệm đến từ trong mơ* (Yeats). Cậu bước ra khỏi khu rừng, *lắng nghe gió hát*, học cách chung sống với nỗi đau để trưởng thành và tìm thấy chính mình.

Nhân vật của Murakami thường hiện ra như những con bệnh của thời đại chấn thương, với một phần bản ngã đã bị thất lạc hoặc phân rã do do đứt gãy kết nối với chính bản thân, với phần bản ngã chủ động, mạnh mẽ. Vì thế, “việc tìm kiếm ‘nửa kia bị đánh mất’ trở thành điều kiện tiên quyết” (Hmar, 2015, p.32) trong hành trình đào sâu vào thế giới tinh thần và “nhận ra những gì ẩn tàng sâu bên trong mới là nguồn gốc tối thượng của cái tôi cá nhân” (Strecher, 1999, p.281). Với Kafka, hành trình ấy đồng nghĩa với việc tái kiến tạo căn tính qua kinh nghiệm đối diện kí ức đau thương và cảm giác tội lỗi nguyên thủy, để chấm dứt được tình trạng phân li trong tâm hồn và thực hiện “bước đầu tiên trong quá trình phục hồi và tái tạo căn tính là giải thoát bản thân khỏi những nỗi đau từ quá khứ” (Dil, 2022, p.210). Bằng việc nhập vai người tình của Miss Saeki, Kafka tiếp nhận và dung hợp kí ức của bà như một cách lấp đầy khoảng trống mẹ để lại, đồng thời học cách sống chung với sự vắng mặt, thương lượng với khát khao không được đáp ứng, đọc hiểu chấn thương của người mẹ biểu tượng và tha thứ cho bà. Hành vi tha thứ trở thành một hình thức tái sinh: “Mẹ ơi, mày nói, con tha thứ cho mẹ. Và với những lời đó thốt lên, cái phần băng giá trong tim mày sụp đổ” (Murakami, 2007, p.502). Trong lựa chọn ấy, Kafka vượt qua lời nguyền, bước vào giai đoạn trưởng thành với một bản sắc mới, dù chưa toàn vẹn. Cậu học cách “mở lòng trước sức mạnh của vô thức mang tính bù trừ sâu sắc, như một nguồn trí tuệ và trị liệu từ bên trong” (Dil, 2010, p.103). Tha thứ trở thành hành vi giải chấn thương, mở đường cho một nhận thức sâu sắc hơn về thế giới để hoàn tất quá trình phục hồi và tái sinh bản ngã. Cuối cùng, Kafka có thể đạt tới trạng thái chủ thể đang được kiến tạo- một bản ngã tuy còn dấu vết chấn thương nhưng không ngừng chuyển dịch và thương lượng trong hành trình trở thành chính mình.

Trường hợp của Nakata là một minh chứng đặc biệt cho sự đứt gãy của căn tính cá nhân trong tiến trình phát triển tâm lí. Xuất phát điểm của Nakata là một đứa trẻ có tố chất vượt trội, “là đứa thông minh nhất, đạt điểm cao nhất” (Murakami, 2007, p.117). Với những tố chất này, Nakata hoàn toàn có thể trưởng thành với một bản dạng cá nhân đầy hứa hẹn. Nhưng cái giá phải trả cho việc trở thành đứa trẻ ưu tú là chính bản sắc cá nhân của cậu bé. Bạo lực gia đình đã gây ra những đặc điểm phức tạp trong bản ngã chấn thương của cậu, cùng với sự cố đỗi Bát Com đã làm đứt gãy quá trình định hình bản ngã. Nakata sau khi tỉnh dậy khỏi hôn mê đã thiếu hụt phần quan trọng nhất làm nên căn tính của cậu: kí ức. Cậu thiếu hụt trí nhớ, chứ không phải mất trí nhớ. Vì thiếu vắng kí ức, bản thể này của Nakata không phải chịu bất kì tổn thương nào, kể cả khi gia đình bỏ rơi, mất sạch tiền hay chịu đủ thứ thiệt thòi của người khuyết tật. Tình trạng trống rỗng này khiến Nakata ngưng quá trình phát triển nhận thức, chỉ có trí lực của trẻ con và sống trong một khuôn khổ cảm xúc hạn chế. Ý nghĩa của cái tôi đã biến mất cùng với tất cả tri thức mà Nakata có trước đó. Như vậy, Nakata đã bị tách rời hoàn toàn với những đặc tính vốn có trước đây, bị biến đổi thành một bản ngã hoàn toàn mới. Lão không thể hiểu các ý niệm trừu tượng và mọi kết nối với đời sống nhằm giúp cá nhân phát triển đa dạng các khía cạnh của bản dạng đều không thể hình thành trong tâm trí của lão. Trong trạng thái tồn tại này, Nakata mô tả mình là đàn độn, trống rỗng, *một cái hộp rỗng, cái bồn tắm tháo hết nước, hay cái thư viện không có cuốn sách nào*. Cách nghĩ này cho thấy Nakata nhận thức được tình trạng thiếu toàn vẹn bản ngã của mình.

Vì trống rỗng, lão dễ dàng bị khống chế. Đi phía sau con chó của Johnnie Walker, lão cảm thấy mình “không phải là một người mạnh, mà là một kẻ yếu đuối” (Murakami, 2007, p.141). Khi nói về bản thân, Nakata thường xưng hô ở ngôi thứ ba như thể lão đang quan sát và nói về một người khác chứ không phải chính mình. Tất nhiên, lão cũng không đủ khả năng trí óc để đặt ra những bản thảo về bản sắc hay ý nghĩa đời mình, cho đến khi Johnnie Walker thao túng lão giết người, đồng thời đánh thức trong lão một vài kí ức liên quan đến cánh cổng bước vào tiềm thức, nơi lão đã để phần quan trọng của bản ngã lại.

“Bản sắc là sản phẩm của một chuỗi những sự đồng nhất không bao giờ hoàn tất” (Culler, 2011, p.174); do đó việc xác lập căn tính là một tiến trình động, có thể được tái thiết thông qua việc định nghĩa lại chính mình trong mối quan hệ với người khác và với kí ức. Khi Nakata buộc phải giết Johnnie Walker, hành động ấy mở ra một bước ngoặt trong sự tự nhận thức. Trong khoảnh khắc ấy, vai trò của kí ức - dù chỉ là vài nét mỏng manh và siêu hình, đóng vai trò quan trọng trong việc thôi thúc cá nhân đặt ra những câu hỏi về tồn tại của mình. Đối diện với cái trống vắng của linh hồn, lần đầu tiên Nakata tự hỏi: *Nakata này là cái gì?* Nhu cầu tái định danh và tái cấu trúc bản ngã bắt đầu trỗi dậy, lão khát khao “được là Nakata với những ý tưởng của riêng mình” (Murakami, 2007, p.350). Việc phải sống gần trọn đời với cái bóng ẻo lả mờ nhạt và một trí lực hạn chế đem lại cho Nakata một cuộc đời

yên ổn, nhưng điều đó không thể bù đắp cho mất mát bản ngã. Lần đầu tiên Nakata trần trụi về con người mà lẽ ra lão có thể trở thành. “Nếu tôi là một cái bóng, tôi ắt không muốn chỉ là một nửa của cái bóng của chính mình” (Murakami, 2007, p.61). Một cá nhân rơi vào cuộc khủng hoảng căn tính khi phải đối diện với những nỗi sợ nhân sinh: sự cô độc, lạc lõng giữa xã hội và quan trọng là nỗi sợ không được là chính mình. Nakata bị một xung lực nội tâm thúc đẩy lên đường tìm kiếm căn tính mà mình đã mất, vì lão đã hiểu sự bi thương của cuộc đời khiếm khuyết bản ngã:

“Câu có biết hoàn toàn trống nghĩa là thế nào không? Nó giống như một cái nhà trống không. Một cái nhà không người ở, cửa không khóa. Bất kì ai cũng có thể vào bất kì lúc nào họ muốn. Đó là điều làm lão sợ nhất” (Murakami, 2007, p.351).

Sự đứt gãy căn tính ở Nakata là ví dụ điển hình cho khủng hoảng hiện sinh ở cá nhân không thể đồng nhất với bản ngã vốn có. Nakata chết khi chưa thực hiện được ước muốn sau cùng. Nhưng lão đã hoàn thành sứ mệnh anh hùng khi giúp những người xung quanh hoàn tất cuộc kiếm tìm của họ. Hành trình của Nakata tuy kết thúc trước khi hoàn toàn tái thiết được bản ngã, nhưng nó cho thấy nỗ lực hướng tới sự toàn vẹn căn tính như là khát vọng hiện sinh không thể từ bỏ - vốn luôn là một xung lực mạnh mẽ bên trong mỗi người.

Mặc dù chấn thương vừa là điểm khởi phát của sự đổ vỡ bản ngã, vừa là động lực thúc đẩy nhân vật bước vào hành trình trị liệu và tái tạo căn tính, nhưng không phải chấn thương nào cũng có thể hồi phục, cũng như có những bản dạng đã mất không thể tái tạo. Nakata không thể tìm lại kí ức của mình để đối thoại, lắng nghe và hiểu câu chuyện chấn thương của chính mình. Bản ngã của lão không thể tìm lại do khoảng cách quá xa giữa cái tôi hiện tại và cái tôi nguyên thủy bị đánh mất. Chính vì không thể phục dựng lại kí ức và cũng không đủ khả năng để “đối thoại” với kí ức, tiến trình hồi phục của lão vĩnh viễn dang dở.

Kafka và Nakata như hai phản đề soi chiếu lẫn nhau, đại diện cho hai khả thể của căn tính hậu chấn thương. Cùng chịu những tổn thương nặng nề từ thuở ấu thời nhưng Kafka mạnh mẽ dấn thân vào vô thức để tìm cách tái định vị bản ngã trong khi Nakata đã hoàn toàn lạc mất căn tính đích thực, không thể tự xác lập vị trí tồn tại của mình. Phác họa bản chất mong manh và đa diện của căn tính con người qua cặp đối sánh này, Murakami đã dẫn người đọc đến tư tưởng cốt lõi trong thế giới nghệ thuật của ông: kí ức, dù đớn đau, vẫn là chất liệu nền tảng để hình thành và bồi đắp căn tính. Với Murakami, con người là một sinh thể dễ bị tổn thương nhưng cũng giàu khả năng tự tái tạo chính mình. Con người, do đó, phải không ngừng thương thảo với kí ức, hợp nhất những mảnh vỡ của tâm hồn để trở thành một chủ thể toàn vẹn, cả ở cấp độ hiện sinh lẫn siêu hình, trong nghĩa xã hội lẫn bản thể.

### **3. Kết luận**

Cũng như nhiều nhà văn trưởng thành từ thời kì “hố đen văn hóa”, Murakami hiểu rõ nỗi đau của việc mất kết nối với lịch sử. Với ông, cá nhân không thể đạt tới toàn vẹn căn tính bằng việc chối bỏ kí ức đau thương và câu chuyện của căn tính không thể tách rời khỏi câu

chuyện của kí ức. Con người chỉ có thể dừng cảm đối diện với quá khứ, sống cùng nó và tái sinh từ chính những rạn vỡ nó gây ra. *Kafka bên bờ biển* đã chứng minh rằng quá trình phục hồi đòi hỏi một hành trình nội tâm đầy dừng cảm của một anh hùng dám đi xuyên qua những tầng sâu tăm tối nhất của cái bản ngã bị ràng buộc bởi quá khứ, học cách chung sống với nó mà không tìm cách đổ lỗi. Chính sự can đảm ấy là bước đầu để phá vỡ vòng lẩn quẩn của bạo lực và mở ra khả năng trở thành một tâm hồn lành lặn, với căn tính được kiến tạo từ bên trong, qua quá trình đối thoại không ngừng với kí ức, chấn thương và những giới hạn của bản thân.

### TƯ LIỆU KHẢO SÁT

Murakami, H. (2007). *Kafka bên bờ biển* [*Kafka on the Shore*] (Dương Tường, dịch). Nha Nam Culture and Communication & Literature Publishing House.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Caruth, C. (Ed.). (1995). *Trauma: Explorations in memory*. Baltimore & London: The Johns Hopkins University Press.
- Caruth, C. (1991). Unclaimed experience: Trauma and the possibility of history. *Yale French Studies*, (79), 181–192. <https://doi.org/10.2307/2930251>
- Culler, J. (2011). *Nhập môn lí thuyết văn học* [*Literary Theory: A Very Short Introduction*] (Translated by Pham Phuong Chi). Vietnam Writers' Association Publishing House
- Dil, J. (2010). Violence and therapy in Murakami Haruki's *Kafka on the Shore*. *Sungkyun Journal of East Asian Studies*, 10(1), 93-112. [https://www.academia.edu/3053163/Violence\\_and\\_Therapy\\_in\\_Murakami\\_Harukis\\_Kafka\\_on\\_the\\_Shore](https://www.academia.edu/3053163/Violence_and_Therapy_in_Murakami_Harukis_Kafka_on_the_Shore)
- Dil, J. (2022). *Haruki Murakami and the search for self-therapy*. Bloomsbury Academic.
- Jung, C. G. (2007). *Thăm dò tiềm thức* [*Essay on the exploration of the unconscious*] (Vũ Đình Lưu, dịch). Tri Thuc Publishing House.
- Hmar, R. L. (2015). Locating the 'Other Half': A psychoanalytic reading of Haruki Murakami's *Kafka on the Shore*. *The Journal for English Language and Literary Studies*, April–June, 31-39.
- Kimball, A. (1973). *Crisis in identity and contemporary Japanese novels*. Rutland, VT & Tokyo: Charles E. Tuttle Co.
- Strecher, M. C. (1999). Magical realism and the search for identity in the fiction of Murakami Haruki. *Journal of Japanese Studies*, 25(2), 263–298. <http://www.jstor.org/stable/133313>

**TRAUMA AND IDENTITY CRISIS  
IN HARUKI MURAKAMI'S *KAFKA ON THE SHORE***

***Ngo Thi Thu Thuy***

*Faculty of Literature and Linguistics, University of Social Sciences and Humanities,  
Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam*

*Corresponding author: Ngo Thi Thu Thuy – Email: 23922012004@hcmussh.edu.vn*

*Received: December 31, 2024; Revised: June 09, 2025; Accepted: July 07, 2025*

**ABSTRACT**

*Based on an interdisciplinary framework combining trauma theory (Freud, Caruth), psychoanalysis (Jung, Lacan), and modern identity theory (Foucault, Culler, Butler), this paper explores the relationship between trauma and identity crisis in *Kafka on the Shore* by Haruki Murakami through the two central characters, Kafka and Nakata. The study, in particular, focuses on the mechanism of dissociation as a typical psychological response to trauma and its impact on the process of self-construction. By examining the parallel yet contrasting trajectories of the two characters- one delving into the depths of the unconscious to confront and heal, the other trapped in a prolonged state of disconnection, this paper affirms a central message in Murakami's literary universe: memory, despite its pain and fragmentation, remains an essential foundation for the formation and reconstruction of identity in the aftermath of trauma.*

**Keywords:** dissociation; identity crisis; psychoanalysis; trauma